

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRƯỜNG KINH TẾ**



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Theo thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021)

Trình độ đào tạo : THẠC SĨ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU
Ngành đào tạo : TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
Tên ngành (Tiếng Anh): FINANCE - BANKING
Mã ngành: 834.02.01



Đà Nẵng – 12/2021

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU**

(Ban hành kèm theo quyết định số : 6874/QĐ/ĐT-ĐHDT
Ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Duy Tân)

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO : THẠC SĨ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU
NGÀNH ĐÀO TẠO : TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO : TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
MÃ NGÀNH : 834.02.01
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO : CHÍNH QUY TẬP TRUNG

1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra:

1.1. Mục tiêu đào tạo:

Chương trình đào tạo Thạc sĩ định hướng nghiên cứu về TCNH nhằm cung cấp cho người học kiến thức lý luận chuyên sâu, có hệ thống về các lĩnh vực cơ bản của quản trị doanh nghiệp; đào tạo các nhà nghiên cứu có tư duy, năng lực nghiên cứu độc lập và làm việc theo nhóm; có thể hình thành ý tưởng khoa học, phát hiện, khám phá và thử nghiệm kiến thức mới, phát triển nghiên cứu ở mức độ cao hơn và có thể tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc.

1.2. Chuẩn đầu ra:

a) Kiến thức

TT	Mã CDR	Tên chuẩn đầu ra về kiến thức
1	CLO1	Học viên nắm vững về kiến thức lý luận cơ bản và chuyên sâu trong lĩnh vực TCNH nói riêng và kinh tế nói chung;
2	CLO2	Học viên nắm vững nguyên lý, công cụ, phương pháp để xác lập cơ sở khoa học về TCNH các loại hình doanh nghiệp, tổ chức;
3	CLO3	Suy luận và tư duy độc lập hình thành năng lực nghiên cứu đối với một số vấn đề trong lĩnh vực TCNH;

b. Kỹ năng

TT	Mã CDR	Tên chuẩn đầu ra về kỹ năng
1	CLO4	Có phong cách làm việc chuyên nghiệp;

2	CLO5	Có thể làm việc độc lập và năng lực phối hợp tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công tác thực tiễn theo nhóm;
3	CLO6	Có kỹ năng trình bày, thuyết phục, bảo vệ luận điểm của mình trong các vấn đề thuộc lĩnh vực TCNH;
4	CLO7	Có kỹ năng sử dụng các công cụ phục vụ làm việc và nghiên cứu trong lĩnh vực TCNH tại các đơn vị và doanh nghiệp;

c) Thái độ, mức tự chủ và trách nhiệm

TT	Mã CDR	Tên chuẩn đầu ra về thái độ và trách nhiệm
1	CLO8	Có tính trung thực, có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp;
2	CLO9	Có trách nhiệm xã hội với các hoạt động của cộng đồng;
3	CLO10	Có khả năng tự chủ, độc lập và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;

1.3. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu về ngành TCNH, người học có thể thực hiện các công việc :

- Giảng viên các trường đại học và cao đẳng;
- Cán bộ nghiên cứu tại các viện nghiên cứu về kinh tế, quản lý, tài chính;
- Các công ty chuyên về cho thuê tài chính, ngân hàng, tổ chức tín dụng
- Cán bộ chương trình ở các tổ chức phi chính phủ, các nhà tài trợ, các dự án nâng cao năng lực;
- Tiếp tục tham gia đào tạo ở bậc tiến sĩ trong và ngoài nước về chuyên ngành TCNH;

2. Thời gian đào tạo:

Thời gian đào tạo trình độ Thạc sĩ (kể từ khi có quyết định công nhận học viên cao học) là 1,5 - 2 năm học.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 68 tín chỉ.

4. Đối tượng tuyển sinh:

- Cử nhân tốt nghiệp loại Khá trở lên các ngành phù hợp với ngành đào tạo Thạc sĩ hoặc có công bố liên quan đến lĩnh vực TCNH.

Quy định chi tiết theo đề án tuyển sinh riêng về trình độ Thạc sĩ hàng năm và Quy chế về đào tạo trình độ Thạc sĩ của Trường Đại học Duy Tân.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, thang điểm:

5.1. Quy trình đào tạo:

Thực hiện theo nội dung của Quy chế về đào tạo trình độ Thạc sĩ của Trường Đại học Duy Tân.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo nội dung của Quy chế về đào tạo trình độ Thạc sĩ của Trường Đại học Duy Tân.

6. Thang điểm:

Theo thang điểm 10 (Theo quy chế đào tạo tín chỉ và quy định rõ trong Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ của Trường Đại học Duy Tân).

7. Cấu trúc chương trình:

- Các học phần Kiến thức chung (6 tín chỉ)

+ Triết học : 4 tín chỉ

+ Phương pháp luận NCKH : 2 tín chỉ

- Kiến thức cơ sở (20 tín chỉ)

+ Học phần bắt buộc : 12 tín chỉ

+ Học phần tự chọn : 8 tín chỉ

- Kiến thức chuyên ngành (27 tín chỉ)

+ Học phần bắt buộc : 15 tín chỉ

+ Học phần tự chọn : 12 tín chỉ

- Luận văn tốt nghiệp (15 tín chỉ)

8. Nội dung chương trình đào tạo:

8.1. Các học phần kiến thức chung:

TT	Mã Môn		Tên Môn học	Số Tín Chỉ	LT	TH	Ghi chú
	Mã (chuyên) Ngành	Số Hiệu Môn					
			Bắt buộc	6			
1	PHI	500	Triết học	4	3	1	
2	PHI	600	Phương pháp luận NCKH	2	1	1	

8.2. Các học phần kiến thức cơ sở:

TT	Mã Môn		Tên Môn học	Số Tín Chỉ	LT	TH	Ghi chú
	Mã (chuyên Ngành)	Số Hiệu Môn					
			Bắt buộc	12			
1	ECO	606	Kinh tế vi mô	3	2	1	
2	FIN	703	Thị trường chứng khoán	3	2	1	
3	FIN	601	Quản Trị Tài Chính	3	2	1	
4	FIN	571	Tài chính tiền tệ	3	2	1	
			Tự chọn (3 học phần trong 6 học phần)	8			
5	LAW	603	Luật kinh tế	3	2	1	
6	ACC	601	Kế Toán Quản Trị	2	1	1	
7	HRM	601	Quản trị nhân sự	3	2	1	
8	ECO	602	Kinh tế vi mô	3	2	1	
9	FIN	580	Tài chính công	3	2	1	
10	IS	652	Hệ thống thông tin kế toán	3	2	1	

8.3. Các học phần kiến thức chuyên ngành:

TT	Mã Môn		Tên Môn học	Số Tín Chỉ	LT	TH	Ghi chú
	Mã (chuyên Ngành)	Số Hiệu Môn					
			Bắt buộc	15			
1	BNK	606	Quản trị NH thương mại	3	2	1	
2	BNK	615	Phân tích tín dụng	3	2	1	
3	FIN	673	Quản trị rủi ro	3	2	1	
4	MKT	651	Quản trị tiếp thị	3	2	1	
5	FIN	600	Tài chính quốc tế	3	2	1	
			Tự chọn (4 học phần trong 9 học phần)	6			
6	ACC	621	Phân tích báo cáo tài chính	3	2	1	
7	MGT	703	Quản trị chiến lược	3	2	1	
8	IS	651	Hệ thống thông tin quản lý	3	2	1	
9	AUD	655	Kiểm soát nội bộ	3	2	1	
10	FIN	673	Quản trị rủi ro	3	2	1	
11	MKT	651	Quản trị tiếp thị	3	2	1	
12	FIN	652	Tài chính đầu tư	3	2	1	
13	FIN	702	Quản trị dự án đầu tư	3	2	1	
14	FIN	725	Định giá tài sản	2	1	1	

8.4. Thực hiện luận văn Thạc sĩ:

TT	Mã Môn		Tên Môn học	Số Tín Chỉ	LT	TH	Ghi chú
	Mã (chuyên Ngành)	Số Hiệu Môn					
			Bắt buộc	15			
1	FIN	749	Luận văn tốt nghiệp	15	0	15	

9. Kế hoạch đào tạo:

TT	Mã Môn		Tên Môn học	Số Tín Chỉ	HK 1	HK2	HK3	HK4
	Mã (chuyên Ngành)	Số Hiệu Môn						
I. CÁC HỌC PHẦN KIẾN THỨC CHUNG								
			Bắt buộc	6				
1	PHI	500	Triết học	4	X			
2	PHI	600	Phương pháp luận NCKH	2	X			
II. CÁC HỌC PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ								
			Bắt buộc	15				
1	ECO	606	Kinh tế vĩ mô	3	X			
2	FIN	703	Thị trường chứng khoán	3	X			
3	FIN	601	Quản Trị Tài Chính	3	X			
4	FIN	571	Tài chính tiền tệ	3		X		
			Tự chọn (3 học phần trong 6 học phần)	8				
7	LAW	603	Luật kinh tế	3	X			
8	ACC	601	Kế Toán Quản Trị	2		X		
9	HRM	601	Quản trị nhân sự	3		X		
10	ECO	602	Kinh tế vi mô	3				
11	FIN	580	Tài chính công	3				
12	IS	652	Hệ thống thông tin kế toán	3				
III. CÁC HỌC PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH:								
			Bắt buộc	15				
1	BNK	606	Quản trị NH thương mại	3			X	
2	BNK	615	Phân tích tín dụng	3			X	
3	FIN	673	Quản trị rủi ro	3			X	
4	MKT	651	Quản trị tiếp thị	3			X	
5	FIN	600	Tài chính quốc tế	3		X		
			Tự chọn (4 học phần trong 9 học phần)	6				
6	ACC	621	Phân tích báo cáo tài chính	3		X		
7	MGT	703	Quản trị chiến lược	3			X	
8	IS	651	Hệ thống thông tin quản lý	3		X		
9	AUD	655	Kiểm soát nội bộ	3			X	

TT	Mã Môn		Tên Môn học	Số Tín Chỉ	HK 1	HK2	HK3	HK4
	Mã (chuyên) Ngành	Số Hiệu Môn						
10	FIN	673	Quản trị rủi ro	3				
11	MKT	651	Quản trị tiếp thị	3				
12	FIN	652	Tài chính đầu tư	3				
13	FIN	702	Quản trị dự án đầu tư	3				
14	FIN	725	Định giá tài sản	2				
IV. THỰC HIỆN LUẬN VĂN THẠC SĨ:								
			Bắt buộc	15				
1	MGT	749	Luận văn tốt nghiệp	15				X
TỔNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO				70	19	19	17	15

10. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và các học phần :

Môn học	Chuẩn đầu ra									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
PHI 500				X	X	X	X	X	X	X
PHI 600				X	X	X	X	X	X	X
ECO 606			X	X	X	X	X	X	X	X
FIN 703	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
FIN 601	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
FIN 571	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
LAW 603	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
ACC 601					X	X	X	X	X	X
HRM 601	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
ECO 602	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
FIN 580	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
IS 652				X	X	X	X	X	X	X
BNK 606	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
BNK 615	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
FIN 673	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
MKT 651	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
FIN 600	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
ACC 621	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
MGT 703	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

Môn học	Chuẩn đầu ra									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
IS 651			X	X	X	X	X	X	X	X
AUD 655			X	X	X	X	X	X	X	X
FIN 673	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
MKT 651			X	X	X	X	X	X	X	X
FIN 652	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
FIN 702	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
FIN 725	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
MGT 749	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

11. Đề cương chi tiết các học phần : (Xem phụ lục đính kèm)

12. Các chương trình đào tạo được tham khảo

TT	Tên chương trình – Trường	Địa chỉ website tham chiếu
1	Thạc sĩ TCNH định hướng nghiên cứu – Chương trình đào tạo Thạc sĩ các ngành theo QĐ số 2347/QĐ-ĐHKTQT ngày 23/08/2019, Trường ĐH Kinh tế quốc dân Hà Nội	https://neu.edu.vn/Resources/Docs/SubDomain/HomePage/ThongBao/2019/2019_9/Chuong%20trinh%20dao%20tao%20thac%20si%20K28.pdf
2	Chương trình đào tạo thạc sĩ TCNH theo định hướng nghiên cứu năm 2020, Trường ĐH Thương mại	https://tmu.edu.vn/vi/news/Chuong-trinh-dao-tao-thac-si-tien-si/chuan-dau-ra-va-chuong-trinh-dao-tao-trinh-do-thac-si-theo-dinh-huong-nghien-cuu-nam-2020-1996.html
3	Master of Finance and Banking, Edith Cowan Univeristy, Australia	https://www.ecu.edu.au/degrees/courses/master-of-finance-and-banking
4	Master of Finance and Banking, University of York, Greece	https://york.citycollege.eu/frontend/articles.php?cid=47&t=MSc-in-Finance-and-Banking

13 - Hướng dẫn thực hiện chương trình :

- Chương trình được xây dựng trên cơ sở Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 08 năm 2021.

- Chương trình được tu chỉnh, bổ sung hàng năm cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, đáp ứng nhu cầu người học.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

HIỆU TRƯỞNG



TS. Lê Nguyên Bảo

